

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-PT

Ngày: 03-6-2021

V/v “Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hàng Lâm Viên**

Các Thẩm phán: Ông **Lâm Bách**

Bà **Trần Thị Diệu**

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Mai Như Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận:

Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2021 tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 01 năm 2021 về “*Tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 13/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà La Thị T, sinh năm 1972 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn:

- Ông Bá Văn T1, sinh năm 1966 (có mặt);

- Bà Thạch Thị L, sinh năm 1970 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Đảng Thị K, sinh năm 1954 (có mặt);

3.2. Bà La Thị Kim T2, sinh năm 1970 (vắng mặt);

3.3. Ông La Anh T3, sinh năm 1976 (vắng mặt);

3.4. Ông La Thanh T4, sinh năm 1981 (vắng mặt);

3.5. Ông La Tấn T5, sinh năm 1987 (vắng mặt);

3.6. Ông La Anh T6, sinh năm 1991 (vắng mặt);

3.7. Bà La Ha Ta Ma R (có mặt);

3.8. Ông Trương Văn C (có mặt);

3.9. Ông La Thiên Q (có mặt);

Cùng địa chỉ: Khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người kháng cáo: Các bị đơn ông Bá Văn T1 và bà Thạch Thị L.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Bà La Thị T trình bày:

Bà T khởi kiện ông T1, bà L về tranh chấp đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất, cụ thể: Vào năm 1994, cha mẹ bà là ông La Ngọc C1 và bà Đảng Thị K cùng các anh em trong hộ ông C1 gồm La Thị Kim T2, La Anh T3, La Thanh T4, La Anh T6, La Tấn T5 thống nhất tặng cho bà thửa đất số 825, tờ bản đồ 21, diện tích đất là 970m² tại thị trấn P, huyện N. Việc cho bằng miệng, đến năm 1997 bà vào tỉnh Bình Phước làm ăn nên nhờ cha mẹ bà canh tác giúp phần đất trên, nhưng đến năm 2007 cha mẹ bà lấy phần diện tích khoảng 200m² (nằm trong phần diện tích 970m²) thuộc thửa số 825 đem sang nhượng cho vợ chồng ông T1, bà L. Việc sang nhượng trên bà và các anh chị em bà không hề hay biết, đến năm 2008 thì bà phát hiện đất trên sang nhượng cho vợ chồng ông T1, bà L.

Sau đó bà dự định đi làm thủ tục cấp giấy CNQSDĐ thì giấy CNQSDĐ cha mẹ bà đã thế chấp cho ngân hàng. Đến ngày 12/02/2018 thì cha mẹ bà và các anh chị em trong hộ làm hợp đồng tặng cho QSDĐ cho bà và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp giấy CNQSDĐ ngày 08/11/2018 đứng tên bà La Thị T với diện tích đất là 970m², thửa đất số 1103, tờ bản đồ 21, thị trấn P. Qua đo đạc lại xác định thửa đất tranh chấp là thửa đất số 1190 (được tách từ thửa 1103), tờ bản đồ 21, thị trấn P, có diện tích là 208m².

Nay bà T yêu cầu vợ chồng ông T1, bà L phải giao trả lại diện tích 208m² thuộc thửa đất số 1190, tờ bản đồ 21, thị trấn P cho bà, bà đồng ý hoàn trả lại giá trị thửa đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá. Về chi phí định giá 1.500.000đ và chi phí đo đạc, trích lục bản đồ địa chính bà tự nguyện chịu. Phần đất ông T1, bà L thuê người đổ lên diện tích đất đang tranh chấp thì bà yêu cầu ông T1, bà L di dời đi vì lúc đổ đất là vẫn đang tranh chấp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Ông Bá Văn T1 trình bày:

Vào năm 2007, do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng ông C1, bà K (cha mẹ ruột của bà La Thị T) sang nhượng khoảng 200m² đất thuộc thửa đất số 825, tờ bản đồ 21, thị trấn P cho vợ chồng ông với giá 5.000.000đ. Việc sang nhượng có làm giấy tay có chữ ký của ông C1, bà K. Sau khi nhận sang nhượng đất, ông T1 giao cho ông C1 canh tác đất này. Vì giáp thửa 825 mà ông nhận chuyển nhượng trước đây của vợ chồng ông C1 nên ông đồng ý nhận chuyển nhượng phần đất 200m² nằm trong thửa 825 liền bờ. Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông T1 làm thủ tục xin cấp giấy CNQSDĐ nhưng do không đủ diện tích cấp giấy CNQSDĐ nên vợ chồng ông T1 để vậy canh tác và đến 2018 thì bà T đến tranh chấp đất. Vợ chồng ông T1 không đồng ý giao 200m² đất tranh chấp cho bà T. Vì vợ chồng ông mua bằng hợp đồng có chữ ký của vợ chồng ông C1, bà K, giao tiền đầy đủ. Nay vợ chồng ông đồng ý hỗ trợ 25.000.000đ cho bà T và yêu cầu tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa vợ chồng ông và vợ chồng ông C1, bà K, công nhận diện tích đất 208m², thửa 1190, tờ bản đồ số 21, thị trấn P đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông, phần đất đổ lên trên phần đất tranh chấp ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Thạch Thị L trình bày:

Bà thống nhất với nội dung trình bày của chồng bà – ông Bá Văn T1.

***Quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà
Đàng Thị K trình bày:***

Năm 2007 do hoàn cảnh khó khăn, vợ chồng bà có mượn số tiền 2.000.000đ của vợ chồng ông T1, bà L. Do không có điều kiện trả nợ nên vợ chồng ông T1, bà L ngỏ ý muốn lấy đất ruộng để cầm trả nợ và đưa cho bà 3.000.000đ, tổng cộng là 5.000.000đ với điều kiện bà phải chuyển nhượng một phần diện tích đất khoảng 200m² nằm trong phần đất 970m², thuộc thửa 1103, tờ bản đồ số 21, thị trấn P mà cả gia đình bà đã tặng cho con gái bà là La Thị T. Việc chuyển nhượng đất này chỉ do vợ chồng bà ký, các thành viên còn lại trong gia đình không biết việc này. Đất này vợ chồng và các con đã thống nhất tặng cho bà T từ năm 1994, đến 2018 có làm hợp đồng tặng cho và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận cấp giấy CNQSDĐ ngày 08/11/2018 đứng tên bà La Thị T đối với thửa đất số 1103, diện tích 970m², tờ bản đồ 21, thị trấn P. Việc vợ chồng ông T1, bà L lấn chiếm phần diện tích khoảng 208m² nằm trong diện tích 970m² thuộc thửa đất số 1103 của bà La Thị T thì bà không đồng ý, bà đồng ý hoàn trả số tiền theo giá Hội đồng đã định cho vợ chồng ông T1, bà L; yêu cầu vợ chồng ông T1 phải trả lại diện tích 208m² thuộc thửa đất số 1190, tờ bản đồ số 21, thị trấn P cho con bà là La Thị T.

***Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 11/12/2020 của Tòa
án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:***

Căn cứ vào Điều 688 Bộ luật dân sự 2015, Điều 410, Điều 689; Điều 698; Bộ luật dân sự 2005; Điều 166; khoản 1, điểm a Điều 92; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 38 Luật đất đai năm 1993, khoản 1 Điều 136 Luật đất đai năm 2003; Khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà La Thị T đối với bị đơn ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L về tranh chấp: “Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất”. Tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 26/7/2007 giữa ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L với bà Đàng Thị K, ông La Ngọc C1 vô hiệu. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L về việc yêu cầu “Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C0 698362” mà Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Ninh Thuận đã cấp cho bà La Thị T ngày 08/11/2020.

Buộc ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L phải giao trả diện tích đất 208m², thửa số 1190 (tách từ thửa 1103), tờ bản đồ số 21 tại thị trấn P, huyện N cho bà La Thị T (Hiện nay ông T1, bà L đang quản lý).

Buộc bà La Thị T phải trả số tiền giá trị đất là 17.160.000đ cho ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L.

Bà La Thị T liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà đối với thửa số 1190, diện tích 208m², tờ bản đồ số 21, Thị trấn P, huyện N (Kèm theo bản đồ vẽ chính lý thửa đất bản đồ địa chính số 159/2020 ngày 21/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận – Chi nhánh huyện N).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 25/12/2020, các bị đơn ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N; yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà La Thị T, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 01/2021/KNPT-DS ngày 08/01/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, nội dung kháng nghị: Bản án sơ thẩm đã giải quyết thiếu quan hệ tranh chấp đối với yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L; Không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng; Thiếu sót trong việc thu thập tài liệu, chứng cứ và trong giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu; sai sót về phần án phí. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện N, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận toàn bộ việc giải quyết vụ án. Theo đó, bà La Thị T đồng ý hoàn trả và bồi thường thiệt hại khi hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho vợ

chồng ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L số tiền 70.000.000đ; Vợ chồng ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng, hoàn trả 208m² đất cho bà T và nhận 70.000.000đ do bà T hoàn trả nên đề nghị Tòa án công nhận. Do đó, VKSND tỉnh Ninh Thuận rút kháng nghị đối với các nội dung bản án sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng như: Không đưa đầy đủ thành viên hộ gia đình bà K vào tham gia tố tụng; thu thập chứng cứ không đầy đủ; giải quyết thiếu quan hệ pháp luật tranh chấp; giải quyết không đầy đủ hậu quả pháp lý khi tuyên bố hợp đồng dân sự bị vô hiệu. Riêng phần án phí đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa theo nội dung kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Bị đơn Bá Văn T1, Thạch Thị L kháng cáo; Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận kháng nghị đúng thời hạn nên được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết.

[1.2] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà La Thị Kim T2, ông La Anh T3, ông La Thanh T4, ông La Tấn T5, ông La Anh T6 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

[1.3] Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong hộ gia đình bà Đảng Thị K không được Tòa án cấp sơ thẩm đưa vào tham gia tố tụng đã có ý kiến nhất trí với bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu các quan hệ pháp luật tranh chấp do nguyên đơn khởi kiện cũng như bị đơn có yêu cầu phản tố. Tuy nhiên, các đương sự thỏa thuận được toàn bộ nội dung cần phải giải quyết trong vụ án nên Kiểm sát viên rút một phần nội dung kháng nghị. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận và đình chỉ xét xử phần kháng nghị VKSND tỉnh Ninh Thuận đã rút đồng thời nghiêm túc rút kinh nghiệm Tòa án cấp sơ thẩm đối với những thiếu sót và vi phạm thủ tục nêu trên. Đối với phần án phí thuộc phạm vi nội dung kháng nghị được Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận sửa phần án phí vì Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng nghĩa vụ chịu án phí.

[2] Nội dung thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm hoàn toàn tự nguyện và đúng pháp luật nên được Tòa án cấp phúc thẩm công nhận như sau:

[2.1] Bà La Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L tổng số tiền 70.000.000đ.

[2.2] Vợ chồng ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất; đồng ý nhận số tiền 70.000.000đ do bà La Thị T hoàn trả và đồng ý trả lại diện tích đất 208m² thuộc thửa đất số 1190 (tách từ thửa 1103), tờ bản đồ số 21, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho bà La Thị T đại diện nhận theo sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình bà Đảng Thị K.

[3] Nghĩa vụ chịu chi phí thẩm định, định giá và án phí

[3.1] Bà La Thị T tự nguyện chịu 1.500.000đ chi phí định giá và 847.462đ chi phí trích lục thửa đất, tổng cộng 2.347.462đ, bà T đã nộp đủ và đã được tất toán chi phí tạm ứng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

[3.2] Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đồng ý bồi thường thiệt hại được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận nên phải chịu án phí đối với nghĩa vụ hoàn trả số tiền 70.000.000đ là 3.500.000đ. Bị đơn yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không được Tòa án chấp nhận nên phải chịu án phí là 300.000đ. Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đương sự không phải chịu án phí.

[3.3] Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 300, Điều 308 khoản 2 của Bộ luật tố tụng dân sự; Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 11/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận đối với phần án phí dân sự sơ thẩm; Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần nội dung kháng nghị đã được rút tại phiên tòa phúc thẩm.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm:

2.1. Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (Giấy cam kết sang nhượng đất) được lập ngày 26/7/2007 giữa bên chuyển nhượng quyền sử dụng

đất là vợ chồng ông La Ngọc C1, bà Đảng Thị K với bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất là vợ chồng ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L.

2.2. Vợ chồng ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L có nghĩa vụ giao trả diện tích đất 208m² thuộc thửa đất số 1190 (tách từ thửa đất số 1103) tờ bản đồ địa chính số 21 tọa lạc tại khu phố M, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận cho bà La Thị T nhận theo sự thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình bà Đảng Thị K; Vị trí, cự ly, mốc giới các cạnh của thửa đất được xác định theo bản đồ vẽ chính lý thửa đất bản đồ địa chính số 159^K/2020 ngày 21/7/2020 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận - chi nhánh N đính kèm bản án.

2.3. Bà La Thị T có nghĩa vụ hoàn trả cho vợ chồng ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L số tiền 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại các Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Chi phí tố tụng: Bà La Thị T phải chịu 1.500.000đ chi phí định giá và 847.462đ chi phí trích lục thửa đất; Bà La Thị T đã nộp đủ 2.347.462đ và đã được tất toán chi phí tạm ứng tại Tòa án cấp sơ thẩm.

4. Về án phí

4.1. Án phí sơ thẩm

- Bà La Thị T phải chịu 3.500.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 750.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022136 ngày 24/4/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, bà La Thị T còn phải nộp 2.750.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L phải liên đới không phân chia phần chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0022653 ngày 22/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N; Ông Bá Văn T1 đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Án phí phúc thẩm: Ông Bá Văn T1, bà Thạch Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm được hoàn trả 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025422 ngày 29/12/2020 và 300.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025444 ngày 18/01/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 03/6/2021)./.

Nơi nhận:

- TAND huyện N;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA;
- Phòng HCTP;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hàng Lâm Viên